

2011 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011

MỤC LỤC

- 2 Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- 4 Sơ lược về VietinBankSc

Báo cáo Hội đồng Quản trị

Báo cáo Tổng Giám đốc

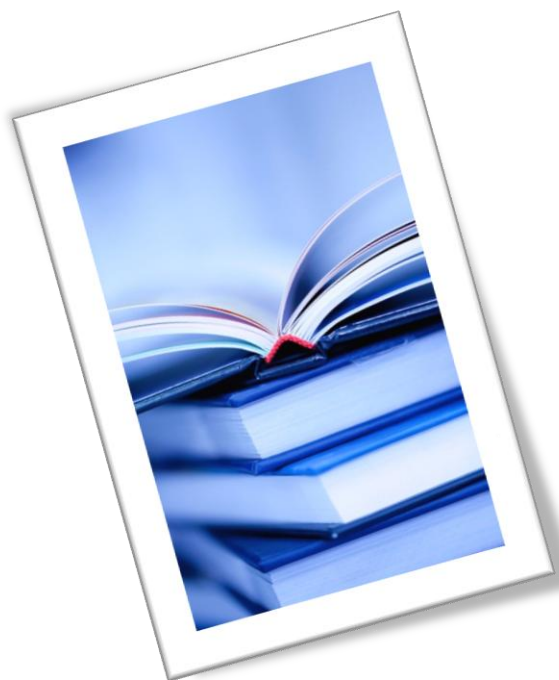
- 9 Kết quả kinh doanh 2011 và kế hoạch 2012
- 10 Kết quả kinh doanh theo lĩnh vực
- 16 Thông tin cổ phần và cổ đông

Tổ chức và Nhân sự

- 18 Hội đồng Quản trị
- 20 Ban Kiểm soát
- 22 Sơ đồ tổ chức
- 23 Chính sách phát triển nguồn nhân lực

Báo cáo Tài chính năm 2011

- 25 Bảng Cân đối kế toán
- 29 Báo cáo Kết quả kinh doanh
- 30 Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ
- 33 Thuyết minh Báo cáo Tài chính



Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị



“Tái cơ cấu hoạt động kinh doanh để phát triển trong vận hội mới ”

Thưa các Quý vị,

Năm 2011 là một năm đầy khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng. Tốc độ tăng trưởng GDP chậm lại, nền kinh tế có nhiều bất ổn và rủi ro khi lạm phát và lãi suất liên tục duy trì ở mức cao, VNĐ tiếp tục mất giá 10,01%, bội chi ngân sách, cán cân xuất nhập khẩu bị thâm hụt và tỷ lệ nợ xấu gia tăng. Năm 2011 cũng là năm thứ 4 liên tiếp thị trường chứng khoán Việt Nam rơi vào tình trạng suy thoái, chỉ số và tính thanh khoản của các cổ phiếu đều liên tục sụt giảm, ảnh hưởng lớn đến tâm lý của nhà đầu tư. Nguyên nhân của tình trạng trên là do những diễn biến bất lợi của các yếu tố kinh tế vĩ mô cùng với chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất cao đã ảnh hưởng tới dòng tiền nội chảy vào thị trường chứng khoán.

Nhận định cơ hội đầu tư trên TTCK sẽ gặp nhiều khó khăn, do vậy ngay từ đầu năm 2011 Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam (Công ty/VietinBankSc) đã có những thay đổi trong chiến lược hoạt động kinh doanh như chủ động tập trung đẩy mạnh hoạt động kinh doanh nguồn vốn, phát triển dịch vụ môi giới, tư vấn và thực hiện tái cơ cấu danh mục cổ phiếu đầu tư theo hướng giảm tỷ trọng đầu tư cổ phiếu niêm yết, nguồn lực tài chính của VietinBankSc được tập trung chủ yếu cho kinh doanh nguồn và hỗ trợ nhà đầu tư... Kết quả đạt được của VietinBankSc là mức lợi nhuận 82,8 tỷ đồng trước thuế, bằng 101,5% kế hoạch được giao, đứng thứ 5 trong số các CTCK có lợi nhuận trong năm 2011 và là công ty có tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu cao thứ 4 trên thị trường.

Mặc dù đã đạt được những thành công nhất định song Ban lãnh đạo VietinBankSc luôn ý thức được rằng VietinBankSc sẽ phải trải qua rất nhiều khó khăn và thách thức do tình hình kinh tế thế giới nói chung và tình hình kinh tế Việt Nam nói riêng còn rất nhiều bất ổn. Năm 2012, thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ còn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Do đó, định hướng cơ bản trong hoạt động kinh doanh của VietinBankSc năm 2012 là tiếp tục chuyển mạnh sang hoạt động cung cấp dịch vụ để thu phí, hoạt động đầu tư chứng khoán sẽ được tiến hành một cách cẩn trọng với mục tiêu là đảm bảo an toàn đồng vốn, nhưng không làm mất đi cơ hội tăng hiệu quả kinh doanh, tiếp tục đầu tư hệ thống công nghệ thông tin và nghiệp vụ nghiên cứu, phân tích thị trường và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để hỗ trợ tốt nhất nhà đầu tư trong quá trình giao dịch chứng khoán.

Chúng tôi tin tưởng rằng, với hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên nghiệp và có trình độ chuyên môn cao, chiến lược kinh doanh phù hợp, VietinBankSc tự tin có đủ khả năng cạnh tranh với các tổ chức tài chính chuyên nghiệp để tiếp tục khẳng định thương hiệu của mình trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Nhân dịp này, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và các đồng nghiệp đã luôn tin tưởng và ủng hộ VietinBankSc trong suốt thời gian qua. Đó là nguồn động lực to lớn thúc đẩy chúng tôi phải luôn luôn nỗ lực, nỗ lực hơn nữa để phát triển, tối đa hóa lợi nhuận nguồn vốn của nhà đầu tư cũng như của VietinBankSc. Một lần nữa, chúng tôi xin thể hiện sự quyết tâm và cam kết rằng, chúng tôi sẽ làm việc không ngừng để tiếp tục khẳng định và phát triển thương hiệu của VietinBankSc trên thị trường chứng khoán Việt Nam.



Đỗ Thị Thủy

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Sơ lược về VietinBankSc

Giới thiệu Công ty

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam (VietinBankSc) được thành lập năm 2000, là một trong bảy công ty chứng khoán đầu tiên trên thị trường, kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán và cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính.

Sau hơn 11 năm hoạt động, VietinBankSc đã vươn lên trở thành một địa chỉ uy tín và chất lượng, cung cấp các dịch vụ chứng khoán kết nối vốn và cơ hội đầu tư.

Ngày 31/7/2009 đã đánh dấu một cột mốc lớn trong chặng đường phát triển của VietinBankSc, là ngày giao dịch phiên đầu tiên trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán CTS. Đây là bước tiến lớn nhằm quảng bá rộng rãi hình ảnh của VietinBankSc đến với nhà đầu tư và khẳng định quyết tâm nâng cao hiệu quả hoạt động, minh bạch thông tin.

CÁC SẢN PHẨM DỊCH VỤ

Với bề dày kinh nghiệm của một trong 07 công ty hoạt động đầu tiên trên thị trường chứng khoán, VietinBankSc đã được khách hàng tin cậy đánh giá là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu hoạt động chuyên nghiệp trong lĩnh vực chứng khoán.

Dịch vụ của VietinBankSc luôn dựa trên nền tảng của tính chuyên nghiệp, trung thực và bảo mật, bao gồm các hoạt động sau:

- Môi giới chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán

Giá trị cốt lõi

KHÁCH HÀNG LÀ TRỌNG TÂM

VietinBankSc cam kết mang đến những sản phẩm, dịch vụ tốt, nhanh chóng và thuận lợi nhất cho khách hàng. Chúng tôi đề cao những phát kiến, sáng tạo, chất lượng công việc, sự tâm huyết và luôn tìm tòi giải pháp tối ưu cho khách hàng. Xây dựng mối quan hệ lâu dài, bền vững với khách hàng là điều chúng tôi luôn hướng tới.

TIN CẬY

Niềm tin của khách hàng là yếu tố quan trọng hàng đầu trong thành công hôm nay của VietinBankSc. Chúng tôi luôn đề cao việc duy trì các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật. Trong mọi hành động, chúng tôi luôn tập trung vào quá trình thực hiện và hệ thống quản lý sao cho thương hiệu VietinBankSc sẽ luôn được khách hàng tin cậy.

CHÍNH TRỰC

VietinBankSc tin rằng chính trực là nền tảng để tạo dựng niềm tin và uy tín của VietinBankSc được biểu hiện bằng sự tin cậy của khách hàng, cổ đông cũng như các cơ quan quản lý. Các chuẩn mực đạo đức luôn luôn được đề cao và tuân thủ tại VietinBankSc, thể hiện trong từng hành động của mỗi cán bộ, nhân viên VietinBankSc.

CON NGƯỜI

Coi con người là điều kiện tiên quyết dẫn tới thành công và sự phát triển bền vững của Công ty, VietinBankSc luôn chú trọng hoạt động đào tạo con người nhằm không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ và làm hài lòng mọi đối tượng khách hàng. Chúng tôi luôn tự hào về đội ngũ cán bộ có năng lực, chuyên nghiệp, tâm huyết và quyết tâm xây dựng VietinBankSc thành một tập thể vững mạnh.

Báo cáo Hội đồng Quản trị

Năm 2011, Hội đồng Quản trị VietinBankSc đã có những chỉ đạo linh hoạt, kịp thời đưa VietinBankSc vượt qua khó khăn thách thức của nền kinh tế, đạt lợi nhuận trước thuế trên 82,3 tỷ đồng, thị phần môi giới duy trì ở mức 1,5%, Top 07 công ty hàng đầu về doanh thu tư vấn.

2011 Những thay đổi chủ yếu

- Năm 2011 **đánh dấu sự định hướng đúng đắn cho hoạt động tự doanh** bằng việc thực hiện tái cơ cấu danh mục cổ phiếu đầu tư theo hướng giảm tỷ trọng đầu tư cổ phiếu niêm yết. Nguồn lực tài chính của VietinBankSc được tập trung chủ yếu cho kinh doanh nguồn và hỗ trợ nhà đầu tư. Hoạt động repo trái phiếu cũng được đẩy mạnh với hiệu quả cao.
- Năm 2011 đánh dấu **bước ngoặt trong hoạt động môi giới chứng khoán khi năm 2011 là lần đầu tiên VietinBankSc lọt vào top 10 về thị phần môi giới trên HNX và thứ 2 của toàn thị trường trong quý IV năm 2011.**
- Năm 2011 đánh dấu **sự thành công của VietinBankSc về hoạt động quản trị rủi ro.** VietinBankSc đã thực hiện quản trị rủi ro tốt đối với hoạt động môi giới chứng khoán nên mặc dù thị trường diễn biến phức tạp, nhiều công ty chứng khoán bị tổn thất lớn từ hoạt động hợp tác đầu tư với khách hàng nhưng hoạt động môi giới của VietinBankSc vẫn diễn ra an toàn.
- **Không ngừng củng cố chất lượng nhân sự.** Năm 2011 là một năm tái cơ cấu nhân sự mạnh mẽ của VietinBankSc. VietinBankSc đã lựa chọn được một số nhân sự cao cấp cho những vị trí kinh doanh chủ chốt của công ty, như Trưởng phòng Môi giới Chứng khoán, Trưởng phòng Tự doanh và Bảo lãnh phát hành.
- Năm 2011 đánh dấu **sự phát triển của hệ thống công nghệ thông tin,** VietinBankSc đã đưa vào hoạt động cổng kết nối tạo điều kiện để triển khai các dịch vụ gia tăng như đặt lệnh, chuyển tiền, thực hiện quyền qua internet. Nhờ những tiện ích gia tăng phục vụ nhà đầu tư qua internet nên tỷ lệ nhà đầu tư sử dụng dịch vụ giao dịch điện tử bao gồm điện thoại và internet tại VietinBankSc tăng lên mạnh mẽ và đạt tỷ lệ trên 80% các lệnh giao dịch. Vì vậy đã tiết kiệm được nhân công phục vụ và các chi phí khác, tăng năng suất lao động cho bộ phận môi giới chứng khoán. Năm 2011 VietinBankSc cũng đưa vào sử dụng module giao dịch ký quỹ để kiểm soát hoạt động giao dịch ký quỹ đảm bảo quản lý an toàn và chính xác hoạt động giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư.

2012

Những định hướng quan trọng

▪ Đối với hoạt động môi giới

Tập trung phát triển thị trường môi giới của công ty theo định hướng sử dụng công nghệ để phục vụ nhu cầu giao dịch của các nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư tại Điểm hỗ trợ giao dịch chứng khoán. Nhanh chóng phối hợp với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để triển khai kết nối tài khoản CA của nhà đầu tư mở tại Ngân hàng TMCP Công thương để tháo gỡ khó khăn của các nhà đầu tư đang giao dịch tại các Điểm hỗ trợ. Ban hành cơ chế lương theo doanh thu cho nhân viên Môi giới nhằm tạo đột phá trong chính sách để thu hút các nhà đầu tư về giao dịch tại VietinBankSc. Củng cố lại các Điểm hỗ trợ giao dịch chứng khoán để phát huy lợi thế khác biệt của VietinBankSc là mạng lưới rộng nhất trên thị trường hiện nay. Dành nguồn lực thích đáng cho vay giao dịch ký quỹ để đẩy mạnh dịch vụ môi giới chứng khoán.

▪ Đối với hoạt động Tư vấn tài chính doanh nghiệp

Dự báo hoạt động M&A trong năm 2012 sẽ phát triển mạnh, VietinBankSc sẽ chuẩn bị các điều kiện về nhân sự, quy trình, quy chế để triển khai hoạt động này. Các hoạt động tư vấn tài chính như tư vấn cổ phần hóa, phát hành, niêm yết, thu xếp vốn, tái cấu trúc doanh nghiệp và quan hệ nhà đầu tư (IR) sẽ tiếp tục được đẩy mạnh thông qua việc khai thác lợi thế là Công ty con của Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam.

▪ Đối với hoạt động tự doanh

Tiếp tục tái cấu trúc lại tài sản đầu tư của VietinBankSc, tăng quy mô tổng tài sản bằng các giải pháp thích hợp, đặc biệt là nâng cao chất lượng tài sản của VietinBankSc để tăng hiệu quả.

Do thị trường vẫn tiềm ẩn rất nhiều rủi ro nên định hướng hoạt động tự doanh và kinh doanh vốn của VietinBankSc trong năm 2012 là đầu tư vào các tài sản có tỷ suất sinh lời vừa phải và an toàn. Tuy nhiên VietinBankSc sẽ thường xuyên bám sát các diễn biến của thị trường trong năm để kịp thời nắm bắt các cơ hội đầu tư với kỳ vọng gia tăng lợi nhuận từ các khoản đầu tư cổ phiếu trên thị trường niêm yết.

Báo cáo Tổng Giám đốc



Ông Đỗ Linh Phương
Ủy viên Hội đồng quản trị
Tổng Giám đốc

“Thành công từ quản trị rủi ro”

2011 đánh dấu sự tiếp bước năm 2010 cho một thời kỳ chông gai của các công ty chứng khoán: thị trường thu hẹp, lợi nhuận suy giảm đã bắt buộc các công ty phải nhìn nhận lại hiệu quả hoạt động và đưa ra các quyết định cứng rắn, thậm chí khốc liệt. Cắt giảm chi phí, sa thải nhân sự, thay đổi Ban Lãnh đạo, bán cổ phần dưới mệnh giá... cùng hàng loạt động thái khác đã và đang thay đổi hoàn toàn cơ cấu và bộ mặt của ngành.

“Phát triển bền vững” là khẩu hiệu mà HĐQT và Ban Điều hành Công ty đưa ra ngay đầu năm 2011 khi xác định thị trường chứng khoán năm 2011 là năm rất khó khăn. VietinBankSc nhận thức được sự khó khăn trước mắt này nên đã xác định chiến lược kinh doanh của Công ty là **phát triển bền vững** với phương châm nâng cao vai trò của hoạt động quản trị rủi ro trong năm 2011.

Trong một thị trường chứng khoán đang ở giai đoạn suy thoái, các công ty chứng khoán cạnh tranh khốc liệt, chỉ có những công ty có định hướng đúng đắn, chọn lọc mục tiêu phát triển và coi trọng công

tác quản trị rủi ro thì mới tồn tại và phát triển được. Và những định hướng này không chỉ là những khẩu hiệu hay chỉ nằm ở khía cạnh chiến lược hay chiến thuật, mà Ban Điều hành Công ty đã phải đề ra những kế hoạch hành động cụ thể cho hướng đi đúng đắn của Công ty.

Điều này đòi hỏi không chỉ sự quyết liệt, quyết tâm của Ban Lãnh đạo, mà còn yêu cầu sự quyết tâm, tính kỷ luật từ mỗi cá nhân – nhân viên trong Công ty. Một công ty định hướng phát triển bền vững, sẽ tạo tiền đề cho một tương lai bền vững. Và đây là điều tôi đã thấy ở một VietinBankSc trong năm qua, khác với những công ty chứng khoán khác đã phải chịu những tổn thất nặng nề cho chính mình và nhà đầu tư của mình do phát triển mạnh nhưng coi nhẹ việc quản trị rủi ro. Và tôi cũng lấy làm tự hào rằng qua hơn 11 năm hoạt động, VietinBankSc chưa có năm nào bị thua lỗ.

Kết quả kinh doanh năm 2011 của VietinBankSc đã minh chứng cho chiến lược đúng đắn của HĐQT của Công ty và đồng thời cũng minh chứng cho một Ban Điều hành quản lý, điều hành hiệu quả.

KẾT QUẢ KINH DOANH 2011

Năm 2011 là một năm khó khăn đối với thị trường chứng khoán Việt Nam và chứng kiến sự không thành công của số đông các quỹ đầu tư, các công ty chứng khoán... Tuy nhiên, với sự nỗ lực và quyết tâm của Ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ, VietinBankSc đã gặt hái được thành công trong năm 2011.

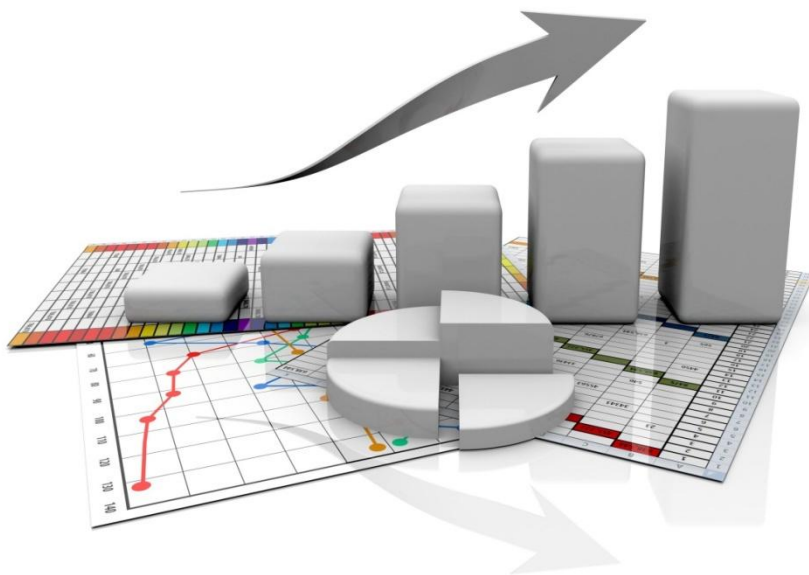
Doanh thu thuần năm 2011 đạt **188,0 tỷ đồng**. Lợi nhuận sau thuế năm 2011 đạt 63,8 tỷ đồng. Với kết quả trên, VietinBankSc đã đứng thứ 5 trong số các CTCK có lợi nhuận trong năm 2011 – là niềm tự hào của toàn thể cán bộ nhân viên VietinBankSc trong năm qua.

KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN 2012

Năm 2012, thách thức vẫn còn phía trước nhưng VietinBankSc tin tưởng rằng trong khó khăn vẫn có cơ hội. VietinBankSc sẽ luôn vững vàng vượt qua mọi thử thách.

Trong năm 2012, VietinBankSc đặt kế hoạch doanh thu là 249,3 tỷ đồng, tăng 32,6% so với năm 2011. Lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch là 77,0 tỷ đồng, tăng 20,6% so với năm 2011.

Định hướng cơ bản trong hoạt động kinh doanh của VietinBankSc là chuyển mạnh sang hoạt động cung cấp dịch vụ để thu phí và hoạt động đầu tư chứng khoán sẽ được tiến hành một cách cẩn trọng với mục tiêu là đảm bảo an toàn vốn.



Báo cáo Tổng Giám đốc

Hoạt động Đầu tư và Bảo lãnh phát hành

Tổng quan dịch vụ

Trải qua một năm đầy khó khăn, thách thức tuy nhiên với tầm nhìn chiến lược và sự nhạy bén của Ban Lãnh đạo Công ty trong việc nhanh chóng chuyển hướng hoạt động đầu tư, kinh doanh cùng sự năng động của đội ngũ nhân sự VietinBankSc đã giúp cho hoạt động đầu tư và bảo lãnh phát hành tiếp tục giữ vững vai trò nòng cốt trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Với chiến lược giảm tỷ trọng đầu tư cổ phiếu niêm yết và tích cực mở rộng, đẩy mạnh các hoạt động đầu tư trái phiếu, góp vốn, hoạt động kinh doanh nguồn vốn cùng việc đẩy mạnh hoạt động bảo lãnh phát hành nhờ lợi thế từ Ngân hàng mẹ đã tiếp tục khẳng định là chiến lược đầu tư hợp lý, hiệu quả trong năm 2011 của VietinBankSc.

Kết quả hoạt động

Vững bước vượt qua một năm đầy khó khăn, thách thức nhờ chiến lược kinh doanh hợp lý, an toàn, hiệu quả, năm 2011 hoạt động đầu tư và bảo lãnh phát hành tiếp tục đạt được kết quả kinh doanh ấn tượng. Doanh thu từ hoạt động đầu tư và bảo lãnh phát hành năm 2011 đạt gần 83,7 tỷ đồng chiếm 44,5% tổng doanh thu, trong khi đó chi phí từ hoạt động này là 27,0 tỷ đồng chiếm 39,1% tổng chi phí hoạt động kinh doanh của toàn Công ty. Trong khi hoạt động đầu tư tại hầu hết các công ty chứng khoán khác trên thị trường không mang lại hiệu quả thì kết quả từ hoạt động đầu tư và bảo lãnh phát hành của VietinBankSc một lần nữa đã khẳng định chiến lược đầu tư kinh doanh hợp lý, an toàn, hiệu quả chính là chìa khóa tạo tiền đề giúp VietinBankSc từng bước khẳng định vị trí của mình trên thị trường chứng khoán.

Thành tựu nổi bật

Thành tựu nổi bật nhất của hoạt động đầu tư và bảo lãnh phát hành trong năm 2011 chính là kết quả hoạt động và khả năng vượt khó. Vượt qua khó khăn thử thách để khẳng định vị trí trên thị trường bằng chiến lược kinh doanh hợp lý, bằng sức mạnh của cả tập thể và bằng kết quả kinh doanh hiệu quả trong năm 2011 đã tạo nên dấu ấn riêng mang tên VietinBankSc. Việc chuyển dịch cơ cấu đầu tư nhanh chóng, hiệu quả, tập trung vào hoạt động kinh doanh nguồn vốn và các hoạt động đầu tư, kinh doanh góp vốn khác cùng việc tận dụng tối đa lợi thế có được từ Ngân hàng mẹ để tạo ra các cơ hội đầu tư, kinh doanh hấp dẫn đã và đang tiếp tục là chiến lược tạo tiền đề và bước đi vững chắc cho VietinBankSc.

Chiến lược phát triển

Năm 2012 được dự đoán tiếp tục là một năm đầy khó khăn, thử thách với thị trường chứng khoán nói chung và VietinBankSc nói riêng. Với phương châm vượt qua khó khăn bằng nỗ lực, sự năng động, nhạy bén và đoàn kết, với mục tiêu bứt phá để khẳng định thương hiệu và vị trí trên thị trường chứng khoán, VietinBankSc đã và đang xây dựng, triển khai chiến lược đầu tư kinh doanh an toàn, hiệu quả. Tiếp tục tập trung vào các hoạt động kinh doanh nguồn vốn và hoạt động bảo lãnh phát hành đồng thời tận dụng tối đa các cơ hội đầu tư hấp dẫn trên thị trường chứng khoán cũng như tìm kiếm các đối tác, doanh nghiệp có tiềm năng để tham gia đầu tư góp vốn là chiến lược kinh doanh chính của VietinBankSc trong năm 2012.

Báo cáo Tổng Giám đốc

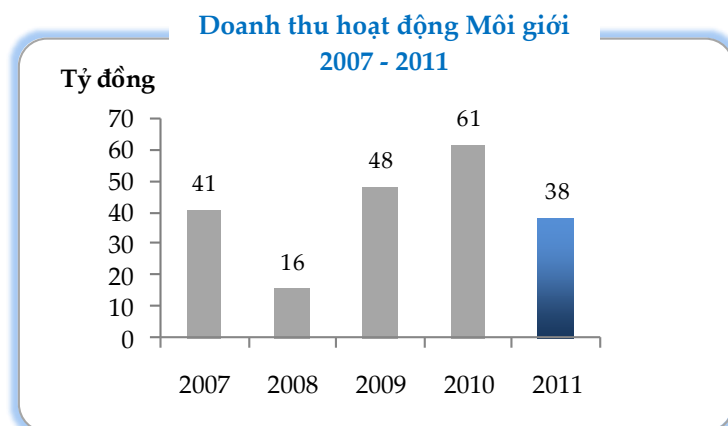
Hoạt động Môi giới

Tổng quan dịch vụ

Cùng với thị trường chứng khoán, VietinBankSc đã tròn 11 năm hoạt động, vì vậy chúng tôi có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực môi giới chứng khoán với mạng lưới giao dịch rộng khắp cả nước, hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, đội ngũ nhân viên năng động, nhiệt tình, tuân thủ khắt khe các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và thường xuyên có các chính sách khách hàng phù hợp.

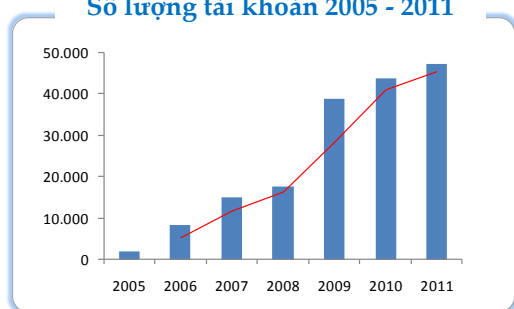
Kết quả hoạt động

Doanh thu từ hoạt động môi giới năm 2011 đạt 38,1 tỷ đồng, giảm 48% so với năm 2010, trong khi thanh khoản của thị trường chứng khoán giảm tới 62%. Năm 2011, VietinBankSc đã tích cực thực hiện cải tổ hoạt động môi giới theo hướng chuyên nghiệp và hiện đại thông qua việc đầu tư công nghệ, gia tăng các tiện ích giao dịch và dịch vụ hỗ trợ. Tất cả các sản phẩm trên thị trường chứng khoán được pháp luật công nhận đều được triển khai ở VietinBankSc để cung cấp cho nhà đầu tư.



Thành tựu nổi bật

Số lượng tài khoản 2005 - 2011



- Tổng số tài khoản là 47.146 tài khoản, tăng 3.508 tài khoản so với năm 2010;
- Thị phần tăng 25,6%, đạt 1,81% toàn thị trường;
- An toàn, chính xác trong các giao dịch và không có nợ quá hạn.
- Lần đầu tiên lọt vào TOP 10 về giá trị giao dịch cổ phiếu niêm yết trên sàn HNX.

Chiến lược phát triển

Năm 2012, VietinBankSc hướng tới mục tiêu chiếm lĩnh thị phần môi giới hàng đầu trên thị trường, tạo ra thương hiệu và uy tín của VietinBankSc - Nâng giá trị đầu tư cho khách hàng. Các sản phẩm mới sẽ được VietinBankSc cung cấp trong năm 2012 là cơ sở vững chắc cho tăng trưởng doanh thu và thị phần môi giới trong các năm tiếp theo.

Bên cạnh chiến lược hướng tới các khách hàng tổ chức trong nước, VietinBankSc tiếp tục đảm bảo là nhà môi giới có mạng lưới khách hàng trên khắp cả nước, đồng thời góp phần đưa dịch vụ chứng khoán đến với tất cả các tỉnh, thành phố trên cả nước trên cơ sở lợi thế của các Chi nhánh Ngân hàng Công thương Việt Nam tại địa bàn.

Báo cáo Tổng Giám đốc

Hoạt động Tư vấn tài chính doanh nghiệp

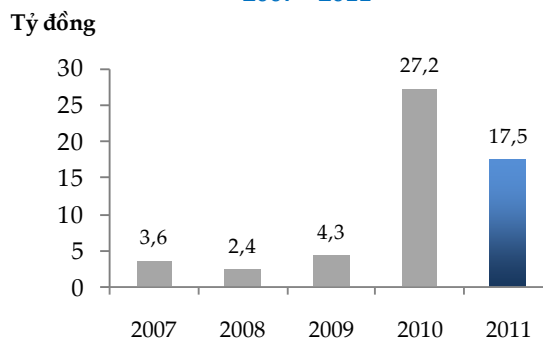
Tổng quan dịch vụ

Đây là dịch vụ được VietinBankSc chú trọng ngay từ những ngày đầu thành lập, đồng thời là hoạt động khẳng định thương hiệu của VietinBankSc trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Trải qua 12 năm hoạt động và phát triển, với nguồn nhân lực giàu kinh nghiệm, chuyên nghiệp, am hiểu thị trường và pháp luật, VietinBankSc đã cung cấp trọn gói các loại hình dịch vụ tư vấn cho doanh nghiệp, bao gồm: dịch vụ tư vấn cổ phần hóa, phát hành, niêm yết, thu xếp vốn, tái cấu trúc, M&A...

Kết quả hoạt động

Mặc dù trong bối cảnh thị trường chứng khoán năm 2011 có nhiều biến động phức tạp và không thuận lợi, hoạt động Tư vấn Tài chính vẫn tạo ra sự khác biệt và đạt được kết quả kinh doanh hết sức khả quan. Doanh thu hoạt động tư vấn năm 2011 đạt 17,5 tỷ đồng, trong đó doanh thu từ hoạt động thu xếp vốn chiếm 95,6%.

Doanh thu hoạt động Tư vấn
2007 - 2011



Thành tựu nổi bật

Năm 2011 VietinBankSc đã thu xếp thành công 1.259 tỷ đồng trái phiếu cho các doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam như: Tập đoàn Vincom, Tập đoàn Bitexco, Tập đoàn Thủy sản Minh Phú, CTCP An Viên... Thành công của năm 2011 tiếp tục khẳng định vị thế đứng đầu của VietinBankSc trong mảng tư vấn tài chính.

Chiến lược phát triển

Chiến lược kinh doanh của mảng Tư vấn tài chính tập trung vào ba mũi nhọn: (i) tiếp tục đẩy mạnh hoạt động thu xếp vốn, (ii) cung cấp dịch vụ sắp xếp, đổi mới / tái cấu trúc và thoái vốn cho các Tổng Công ty, Tập đoàn Nhà nước và (iii) bước đầu phát triển các nghiệp vụ có giá trị gia tăng cao như M&A và tái cấu trúc, trong đó sẽ tập trung vào Tư vấn Bên Bán.

Để thực hiện các chiến lược trên, Phòng Tư vấn Tài chính doanh nghiệp đã và đang triển khai các công tác sau: (i) tiếp xúc và phát triển quan hệ với các Tổng Công ty/Tập đoàn Kinh tế thông qua mạng lưới khách hàng của VietinBank, (ii) tuyển dụng các chuyên viên cao cấp với thu nhập cạnh tranh nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của phòng và kế hoạch thâm nhập thị trường mới.

Chúng tôi tin rằng, dưới định hướng chính xác và quyết tâm của tất cả các Nhân viên Phòng Tư vấn TCDN, 2012 sẽ tiếp tục là một năm của hoạt động Tư vấn TCDN, đặt nền móng cho sự phát triển nhanh hơn, mạnh hơn cho giai đoạn 2013 – 2015.

Báo cáo Tổng Giám đốc

Thông tin cổ phần

Vốn điều lệ của Công ty	:	789.934.000.000	đồng
Khối lượng cổ phiếu niêm yết	:	78.993.400	cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu lưu hành	:	77.703.400	cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu quỹ	:	1.290.000	cổ phiếu

Lợi nhuận sau thuế

TOP 5

Các Công ty chứng khoán niêm yết

“Mục tiêu trở thành định chế tài chính vững mạnh, với hoạt động chính trên thị trường chứng khoán, đồng thời đa dạng hóa hoạt động kinh doanh thông qua việc đầu tư góp vốn trong lĩnh vực quản lý quỹ, bất động sản... nhằm gia tăng lợi ích cho khách hàng và Cổ đông”

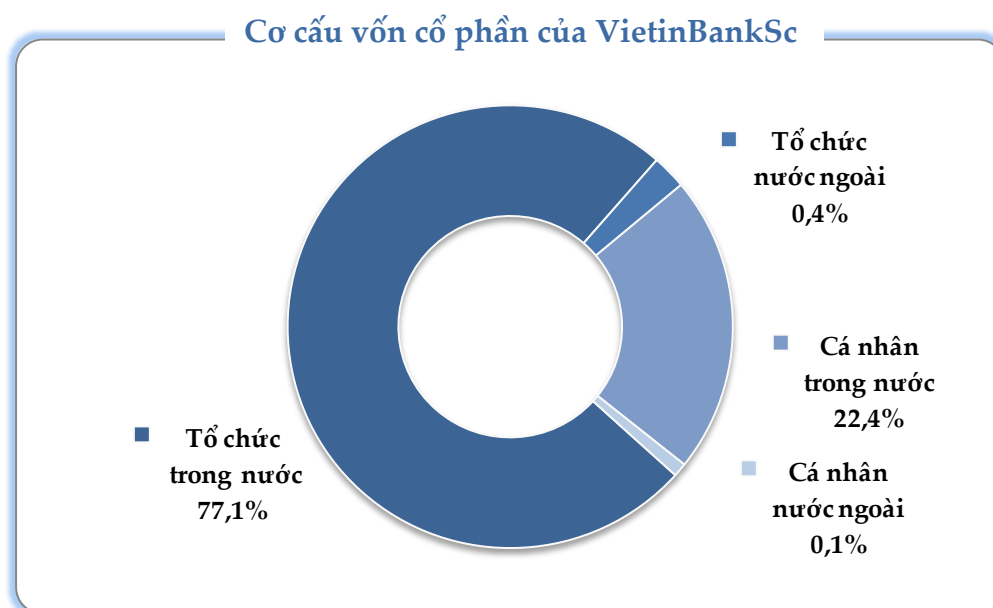
Thông tin cổ đông

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5,0% vốn cổ phần của VietinBankSc

Tên cổ đông	Số CMND/ĐKKD	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103038874 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 3/7/2009	59.723.194	75,6%
Đại diện bởi:			
- Bà Đỗ Thị Thủy	010442664	31.597.360	40,0%
- Ông Vũ Trung Thành	011978123	23.698.020	30,0%
- Bà Phạm Thị Thanh Hoài	011877625	4.427.814	5,6%

Cơ cấu vốn cổ phần của VietinBankSc

Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty tính tới thời điểm chốt danh sách tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 28/02/2012 như sau:



Tổ chức và nhân sự

Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Điều hành Công ty.

Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành có 3 thành viên là bà Đỗ Thị Thủy – Chủ tịch HĐQT, ông Vũ Trung Thành - Ủy viên HĐQT và bà Phạm Thị Thanh Hoài - Ủy viên HĐQT. Cơ cấu Hội đồng Quản trị gồm có 3 thành viên độc lập không điều hành đảm bảo cho Hội đồng Quản trị độc lập với Ban Điều hành.

Thay đổi nhân sự

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 của Công ty Chứng khoán Công Thương đã thông qua những sự thay đổi nhân sự sau trong Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

- Thông qua việc từ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng Quản trị của Ông Nguyễn Minh Giang và phê duyệt kết quả bầu bổ sung ông Đỗ Linh Phương làm thành viên Hội đồng Quản trị thay thế nhiệm kỳ 2009 – 2014;
- Phê chuẩn việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Ông Đỗ Linh Phương giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Công Thương kể từ ngày 16/02/2012.



BÀ ĐỖ THỊ THUY, 1960 – Chủ tịch HĐQT

Ủy viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng Công Thương Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế

Bà Thủy là chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng với hơn 28 năm kinh nghiệm. Bà cũng từng tham gia nghiên cứu ở Hà Lan, Nga, Anh... và từng là giảng viên Học viện Ngân hàng Hà Nội.



ÔNG VŨ TRUNG THÀNH, 1981 – Ủy viên HĐQT

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị doanh nghiệp (ĐH Hull – Anh Quốc)

Ông Thành có nhiều năm nghiên cứu ở nước ngoài. Sau khi về nước, ông đã làm việc tại Công ty Quản lý Quỹ Vietcombank với nhiều vị trí quản lý quan trọng. Trước khi là Tổng Giám đốc VietinbankSc, ông đảm nhiệm vị trí Trưởng ban Thư ký Hội đồng Quản trị kiêm Phó phòng Tự doanh và Bảo lãnh Phát hành, sau đó là Giám đốc Chi nhánh Hà Nội – VietinbankSc.



ÔNG ĐỖ LINH PHƯƠNG, 1981 – Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế đối ngoại Đại học Ngoại thương

Ông Phương đã có gần 10 năm kinh nghiệm làm việc trên thị trường tài chính. Tại VietinBankSc, ông đã tham gia đảm nhiệm các chức vụ quản lý quan trọng như Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội, Trưởng Phòng Tự doanh & Bảo lãnh phát hành và Phó Tổng Giám đốc.



ÔNG NGUYỄN THỌ PHÙNG, 1960 – Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (ĐH Columbia Southern – US)

Ông Phùng đã có nhiều năm kinh nghiệm tại các doanh nghiệp và tổ chức tài chính. Trước khi là Phó Tổng Giám đốc VietinBankSc, ông đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Chi nhánh Hưng Yên kiêm Trưởng phòng Kinh doanh tại Công ty Cung ứng Dịch vụ Hàng không – Tổng Công ty Hàng không Việt Nam, sau đó là Trưởng phòng Tư vấn Tài chính doanh nghiệp và Phó Giám đốc VietinBankSc.



BÀ PHẠM THỊ THANH HOÀI, 1978 – Ủy viên HĐQT

Phó Trưởng Phòng Đầu tư Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính (ĐH Warwick – Anh Quốc)

Bà Hoài tham gia lĩnh vực tài chính - ngân hàng nhiều năm ở trong và ngoài nước. Trước khi đảm nhiệm vị trí Ủy viên HĐQT VietinBankSc, bà Hoài giữ vị trí Phó phòng Chế độ Tín dụng và Đầu tư Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Tổ chức và nhân sự

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Kiểm soát chịu sự quản lý trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc tuân thủ chấp hành chế độ hạch toán, kế toán, quy trình, quy chế quản trị nội bộ Công ty, thẩm định Báo cáo Tài chính hàng năm, báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của Báo cáo Tài chính Công ty.

Ban Kiểm soát có ba (03) thành viên. Trong Ban Kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các Báo cáo Tài chính của Công ty.



BÀ NGUYỄN THÚY HÀ
Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế



ÔNG ĐINH HUY KIÊN
Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính kiểm soát



BÀ NGUYỄN THỊ THU HIỀN
Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1985

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Ngân hàng

Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát

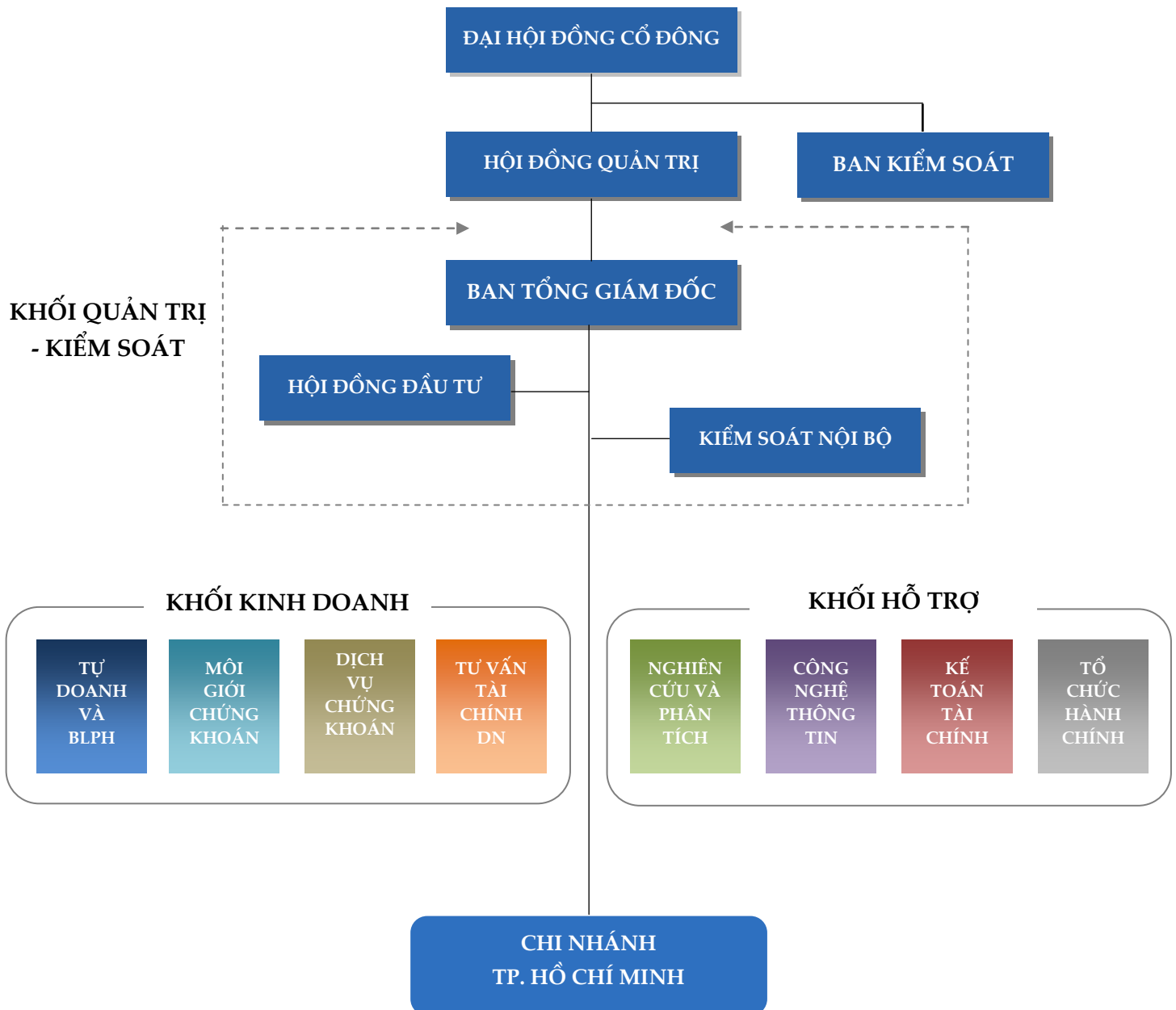
Hàng năm, Đại hội đồng cổ đông thường niên đều thông qua mức thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Theo Nghị Quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 thông qua ngày 03 tháng 3 năm 2011, mức thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2011 bằng 2,0% lợi nhuận sau thuế năm 2011 cho phần lợi nhuận trong kế hoạch, trường hợp vượt chỉ tiêu lợi nhuận thì được thưởng thêm 4,0% trên tổng số lợi nhuận vượt mức và Hội đồng Quản trị quyết định việc phân phối thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

Căn cứ trên tình hình kinh doanh thực tế của Công ty trong năm 2011, số tiền thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

Nội dung	Đơn vị: triệu đồng	
	Số tiền	
1. Lợi nhuận sau thuế năm 2011	63.893	
2. Trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	1.316	

Tổ chức và nhân sự

Sơ đồ tổ chức



Số lượng cán bộ, nhân viên của VietinBankSc tại ngày 31/12/2011 là 129 CBNV.

Chính sách phát triển nguồn nhân lực

Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Nhằm duy trì cán bộ, nhân viên giỏi đồng thời thu hút người tài, VietinBankSc đã và sẽ áp dụng chính sách tiền lương theo năng suất và hiệu quả công việc. Tiền thưởng cũng được xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh của Công ty và hiệu quả làm việc của từng nhân viên. Ngoài ra, VietinBankSc còn thực hiện các chính sách đãi ngộ khác như: định kỳ kiểm tra sức khỏe cho cán bộ, nhân viên; kịp thời thăm hỏi động viên các cán bộ, nhân viên ốm đau, thai sản...

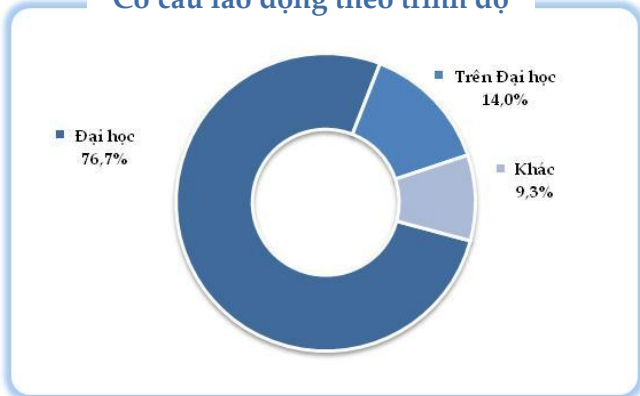
VietinBankSc tiếp nhận lao động mới theo một quy trình và có chính sách thu hút lao động có trình độ cao, có nhiều kinh nghiệm, có chính sách trả lương đảm bảo đời sống cho cán bộ, nhân viên.

Phát triển nguồn nhân lực

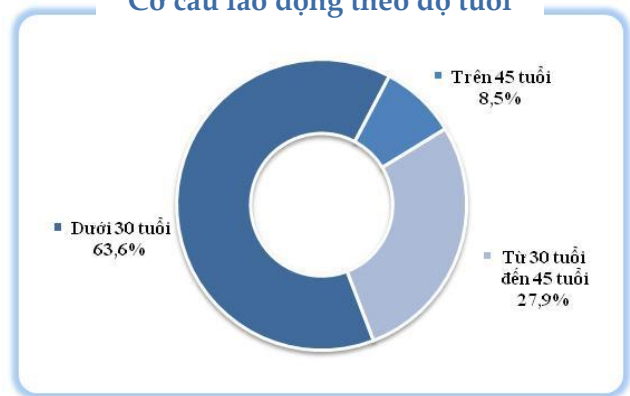
Để có thể xây dựng được một đội ngũ cán bộ nhân viên có năng lực chuyên môn, có tư cách đạo đức và có tâm huyết đối với công việc được giao nhằm phục vụ cho quá trình mở rộng mạng lưới cũng như đẩy mạnh hoạt động kinh doanh trong một môi trường cạnh tranh đầy khốc liệt, VietinBankSc luôn chú trọng đến việc xây dựng và hoàn thiện chính sách phát triển nguồn nhân lực.

Trong năm 2011, VietinBankSc luôn chú trọng hoạt động đào tạo con người nhằm không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ và làm hài lòng khách hàng. Các cán bộ của VietinBankSc đều được trải qua các khóa đào tạo chuyên sâu về chứng khoán cả trong và ngoài nước.

Cơ cấu lao động theo trình độ



Cơ cấu lao động theo độ tuổi



Báo cáo tài chính 2011

Số: 04/2012/BCKT-AASC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

KÍNH GỬI: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam được lập ngày 09 tháng 01 năm 2012 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Báo cáo tình hình biến động Vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2012

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc



Nguyễn Minh Tiến

Chứng chỉ KTV số: 0547/KTV

Kiểm toán viên



Bùi Thị Ngọc Lân

Chứng chỉ KTV số: 0300/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tại ngày 31 tháng 12 năm 2011)

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng	
			31/12/2011	01/01/2011
A. Tài sản ngắn hạn	100		1.237.099	841.882
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.103.933	234.156
1. Tiền	111		587.433	179.156
2. Các khoản tương đương tiền	112		516.500	55.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.4	109.320	271.247
1. Đầu tư ngắn hạn	121		123.830	277.711
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn ^(*)	129		(14.509)	(6.464)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.11	22.423	334.086
1. Phải thu của khách hàng	131		640	955
2. Trả trước cho người bán	132		1.929	59.679
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		2.046	3.056
5. Các khoản phải thu khác	138		17.808	270.397
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi ^(*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		25	828
1. Hàng tồn kho	141	V.2	25	828
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho ^(*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.398	1.566
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.354	1.534
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.11	-	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		44	32

Báo cáo tài chính 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tại ngày 31 tháng 12 năm 2011) (tiếp theo)

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng	
			31/12/2011	01/01/2011
B. Tài sản dài hạn	200		247.755	192.832
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		14.547	21.480
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	8.062	13.803
- Nguyên giá	222		24.882	26.008
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(16.820)	(12.205)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	6.485	7.677
- Nguyên giá	228		12.641	11.201
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(6.156)	(3.525)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.4	212.400	150.186
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		212.400	150.186
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		212.400	150.186
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		20.808	21.167
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	14.379	16.307
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.10	6.429	4.860
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Tổng tài sản	270		1.484.855	1.034.714

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tại ngày 31 tháng 12 năm 2011) (tiếp theo)

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng	
			31/12/2011	01/01/2011
A. Nợ phải trả	300		612.947	213.661
I. Nợ ngắn hạn	310		609.243	207.264
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		2.319	535
3. Người mua trả tiền trước	313		442	368
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	9.413	5.984
5. Phải trả người lao động	315		10.126	7.716
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	1.324	48.926
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.17	580.434	141.852
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi chứng khoán	321		893	122
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		2.055	1.761
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		2.236	-
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.704	6.397
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	1
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		3.704	6.396
B. Vốn chủ sở hữu	400		871.907	821.053
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	871.907	821.053
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		789.934	789.934
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.920	1.920
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		4.085	3.003
4. Cổ phiếu quỹ	414		(8.989)	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.085	3.003
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		80.873	23.193
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
Tổng nguồn vốn	440		1.484.855	1.034.714

Báo cáo tài chính 2011

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị: triệu đồng	
		31/12/2011	01/01/2011
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001	19.980	19.980
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	300.000	-
6. Chứng khoán lưu ký	006	4.349.096	3.052.569
6.1. Chứng khoán giao dịch	007	3.875.371	2.899.925
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	69.673	33.913
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	3.803.535	2.864.070
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	2.163	1.942
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	154.938	50.622
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013		15.000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch khách hàng trong nước	014	154.938	35.622
6.3. Chứng khoán cầm cố	017	48.378	3.167
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018	-	-
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	48.378	3.167
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027	258.747	73.837
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	401	987
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	258.346	72.849
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037	11.662	25.019
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	0,07	23
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	11.662	24.996
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047		
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	567	0,2
7.1. Chứng khoán giao dịch	051	567	0,2
7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	567	0,2
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	209.648	260.256

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng	
			2011	2010
Doanh thu	01		188.021	195.593
Trong đó:				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		22.295	61.338
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		78.012	64.417
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		5.660	9.250
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4			1.729
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		17.526	27.154
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		3.120	1.328
Doanh thu hoạt động uỷ thác đấu giá	01.7			
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		13	12
Doanh thu khác	01.9		61.395	30.366
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		38	4
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		187.983	195.588
Chi phí hoạt động kinh doanh	11		69.205	133.134
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		118.778	62.454
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		36.796	33.882
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		81.981	28.572
Thu nhập khác	31		59.778	381
Chi phí khác	32		58.876	540
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		902	(159)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		82.883	28.413
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.1	18.990	6.771
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		63.893	21.642
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		813	274

Báo cáo tài chính 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM 2011 (Phương pháp gián tiếp)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng	
			2011	2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		82.883	28.413
2. Điều chỉnh cho các khoản				-
Khấu hao tài sản cố định	02		7.980	8.100
Các khoản dự phòng	03		8.045	3.070
Lãi)/lỗ chênh lệch TGHĐ chưa thực hiện	04		-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(105.643)	(11.056)
Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		(6.735)	28.528
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		311.804	(54.332)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		803	(566)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		394.341	(57.561)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		2.107	35
Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(14.268)	(5.058)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		241	1.048
Tiền chi khác từ hoạt động kinh Doanh	16		(6.233)	(7.410)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	20		682.060	(95.317)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng	
			2011	2010
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.561)	(4.032)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		459	354
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.786	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(41.568)	(1.181.318)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		105.059	973.183
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		124.532	88.648
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		196.706	(123.164)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(8.989)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		20.735	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(20.735)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(45.403)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40		(8.989)	(45.403)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		869.777	(263.884)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.01	234.156	498.040
Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.01	1.103.933	234.156

Báo cáo tài chính 2011

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

(từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011)

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng giảm		Số dư cuối kỳ		Đơn vị: triệu đồng	
		2010		2011		Số dư cuối kỳ			
		01/01/2010	01/01/2011	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		31/12/2010
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		789.934	789.934	-	-	-	-	789.934	789.934
2. Thặng dư vốn cổ phần		1.920	1.920	-	-	-	-	1.920	1.920
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	3.003	3.003	-	1.082	-	3.003	4.085
4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-	-	-	(8.989)	-	-	(8.989)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		-	3.003	3.003	-	1.082	-	3.003	4.085
9. Các quỹ khác thuộc VCSH		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	VIII	60.059	23.193	21.642	58.508	63.893	6.214	23.193	80.873
Cộng		851.913	821.053	27.648	58.508	57.068	6.214	821.053	871.907

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần, trong đó vốn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chiếm 75,6% tổng số vốn điều lệ.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty thực hiện các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán.

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác;
- Thực hiện các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính, thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009, thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Báo cáo tài chính 2011

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo Tài chính được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

2.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

2.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ

Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với qui định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Máy móc thiết bị công tác	:	3 - 5 năm
Máy móc thiết bị động lực	:	7 năm
Phương tiện vận tải	:	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	:	3 - 5 năm
Phần mềm máy vi tính	:	3 - 5 năm

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

3.1. Các khoản đầu tư chứng khoán: được ghi nhận theo giá gốc.

3.2. Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: được ghi nhận theo giá gốc.

3.3. Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được trích lập theo quy định hiện hành.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn so với giá chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán.

Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá thị trường của chứng khoán chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường này, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại ngày kết thúc năm tài chính đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán mà không thể thu thập được giá trị trường của chứng khoán thì không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

4. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh

Giá trị lợi thế kinh doanh đang phản ánh trên khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” là giá trị lợi thế kinh doanh theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian 10 năm.

5. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

5.1. Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu, bao gồm: vốn góp của Ngân hàng Công thương Việt Nam và vốn góp của các cổ đông khác trong Công ty Cổ phần.
- Thặng dư vốn cổ phần: Là khoản chênh lệch do bán cổ phần phát hành thêm để lại cho Công ty Cổ phần.
- Vốn khác của chủ sở hữu: là khoản trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

Báo cáo tài chính 2011

- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

5.2. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước (nếu có).

6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

6.1. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

6.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp, không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Báo cáo tài chính 2011

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền	Đơn vị: triệu đồng	
	Thời điểm	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	133	84
Tiền gửi ngân hàng	585.641	171.049
Trong đó:		
- Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	577.037	128.384
Tiền đang chuyển	-	-
Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành	-	-
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK	1.659	8.022
TGNH có kỳ hạn không quá 3 tháng	516.500	55.000
Cộng	1.103.933	234.156

2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho	Đơn vị: triệu đồng	
	Thời điểm	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	-	747
Công cụ, dụng cụ	25	81
Cộng	25	828

3. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Giao dịch thực hiện trong năm	
	Khối lượng	Giá trị
Của công ty chứng khoán	8.471.220	145.495
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	8.051.220	103.990
- Trái phiếu	420.000	41.505
- Chứng khoán khác	-	-
Của nhà đầu tư	546.456.865	9.975.753
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	546.456.704	9.975.753
- Trái phiếu	161	0,2
- Chứng khoán khác	-	-
Tổng cộng	554.928.085	10.121.248

4. Tình hình đầu tư tài chính (tại thời điểm 31/12/2011)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị			
		Số kế toán	So với giá thị trường		Giá thị trường
			Tăng	Giảm	
I. Chứng khoán thương mại	3.998.840	123.830	161	14.509	
1. Cổ phiếu	1.698.840	25.409	161	6.934	
- Cổ phiếu niêm yết	1.217.345	19.524	2	6.934	12.592
- Cổ phiếu chưa niêm yết	481.495	5.885	159	-	
2. Trái phiếu	800.000	83.196	-	-	83.196
3. Chứng chỉ quỹ niêm yết	1.500.000	15.225	-	7.575	7.650
II. Chứng khoán đầu tư	1.904.100	212.400	-	-	-
III. Đầu tư tài chính khác		47.980	-	-	-

Báo cáo tài chính 2011

5. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Tài sản cố định				
	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ QL</u>	<u>Tổng</u>
1. Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	206	17.983	4.876	2.944	26.008
Mua trong kỳ	-	75	-	46	121
Tăng khác	-	604	-	163	766
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.247)	-	-	(1.247)
Giảm khác	-	(163)	(299)	(305)	(766)
Số dư cuối kỳ	206	17.252	4.577	2.848	24.882
2. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	206	8.413	2.047	1.539	12.205
Số khấu hao trong kỳ	-	4.124	682	542	5.348
Tăng khác	-	383	-	59	442
Thanh lý, nhượng bán	-	(733)	-	-	(733)
Giảm khác	-	(59)	(242)	(141)	(442)
Số dư cuối kỳ	206	12.127	2.488	2.000	16.820
3. Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	-	9.570	2.828	1.405	13.803
Tại ngày cuối kỳ	-	5.125	2.089	848	8.062

6. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Tài sản cố định vô hình				
	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Quyền phát hành</u>	<u>Bản quyền, bằng sáng chế</u>	<u>TSCĐ vô hình khác</u>	<u>Tổng</u>
1. Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	11.201	11.201
Mua trong kỳ	-	-	-	1.440	1.440
Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	12.641	12.641
2. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	3.525	3.525
Số khấu hao trong kỳ	-	-	-	2.632	2.632
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	6.156	6.156
3. Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	7.677	7.677
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	6.485	6.485

Báo cáo tài chính 2011

7. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn	Đơn vị: triệu đồng	
	Thời điểm	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị lợi thế kinh doanh xác định để cổ phần hóa	13.611	15.426
Chi phí trả trước dài hạn khác	768	880
Cộng	14.379	16.307

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Đơn vị: triệu đồng	
	Thời điểm	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị gia tăng	60	1.426
Tiêu thụ đặc biệt	-	-
Xuất, nhập khẩu	-	-
Thu nhập doanh nghiệp	8.113	3.390
Thu nhập cá nhân	1.241	1.168
Tài nguyên	-	-
Nhà đất và tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế khác	-	-
Các loại thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	9.413	5.984

10. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	Đơn vị: triệu đồng	
	Năm	
	2011	2010
Tiền nộp ban đầu	3.154	3.154
Tiền nộp bổ sung	2.618	1.345
Tiền lãi phân bổ	657	361
Số cuối kỳ	6.429	4.860

11. Các khoản phải thu

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011				Dự phòng
	Số đầu kỳ	Số phát sinh		Số cuối kỳ	
		Tăng	Giảm		
1. Phải thu của khách hàng	955	17.084	17.399	640	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	3.056	74.426	75.436	2.046	-
- Phải thu của Sở (Trung tâm) GDCK	2.781	56.674	59.020	435	-
- Phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán	-	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng về GDCK	275	17.576	16.240	1.611	-
- Phải thu thành viên khác	-	176	176	-	-
3. Thuế GTGT được khấu trừ	-	853	853	-	-
4. Phải thu nội bộ	-	-	-	-	-
5. Phải thu khác	330.076	2.327.906	2.638.245	19.737	-
- Trả trước tiền cho người bán	59.679	4.285	62.034	1.929	-
- Thuế và các khoản phải thu nhà nước	-	-	-	-	-
- Phải thu khác	270.397	2.323.622	2.576.211	17.808	-
Tổng cộng	334.086	2.420.270	2.731.933	22.423	-

Báo cáo tài chính 2011

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Đơn vị: triệu đồng

Phải trả, phải nộp khác	Thời điểm	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
2. Kinh phí công đoàn	340	294
3. Bảo hiểm xã hội	-	0,2
4. Bảo hiểm y tế	-	0,2
5. Các khoản phải trả, phải nộp khác	984	48.631
- Phải trả về cổ phần hóa	-	45.903
- Phải trả cổ tức CTS cho NĐT	18	18
- Phải trả khác	966	2.710
Cộng	1.324	48.926

17. Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Đơn vị: triệu đồng

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	Thời điểm	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Phải trả SGDCK	902	617
2. Phải trả vay Quỹ hỗ trợ thanh toán của các thành viên khác	-	-
3. Phải trả về chứng khoán giao, nhận đại lý phát hành	-	-
4. Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	181	115
5. Phải trả tổ chức, cá nhân khác	579.351	141.119
- Phải trả nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán	577.279	130.415
- Phải trả khác	2.072	10.704
Cộng	580.434	141.852

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Đơn vị: triệu đồng	
	Năm	
	2011	2010
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ kế toán hiện hành	18.990	6.771
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18.990	6.771

2. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Chỉ tiêu	Đơn vị: triệu đồng	
	Năm	
	2011	2010
1. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	63.893	21.642
2. Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông hiện hữu cổ phiếu phổ thông	63.893	21.642
3. Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	78.632.080	78.993.400
4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	813	274

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Không có thông tin.

Báo cáo tài chính 2011

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên có liên quan

Bên liên quan của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam là Công ty Mẹ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam với tỷ lệ góp vốn là 75,6%.

Giao dịch với bên liên quan:

Các giao dịch chủ yếu trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam gồm:

Nội dung	Đơn vị: triệu đồng	
		Số tiền
Thu lãi tiền gửi		40.422
Chi hoa hồng môi giới		4.492
Phí lưu ký, phí quản lý sổ cổ đông, phí trả hộ cổ tức		548
Phí tư vấn phát hành cổ phiếu Ngân hàng Công thương		91
Phí xác nhận tiền bán		125
Hoa hồng cho vay ứng trước		45
Thu phí phạt, phí chậm thanh toán, thu khác		1.082
Chuyển nhượng bất động sản		58.049
Chi phí chuyển tiền, dịch vụ khác		33

Số dư với bên liên quan

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số dư của Công ty với Ngân hàng Công thương Việt Nam gồm:

Nội dung	Đơn vị: triệu đồng	
	Số tiền	
Số dư tiền gửi không kỳ hạn	585.326	
Số dư tiền gửi có kỳ hạn	516.500	
Phải thu về lãi tiền gửi	2.321	
Phải trả hoa hồng ĐHT	32	

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt, trong đó, một số chỉ tiêu đã được phân loại, điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính.

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2012

Kế toán trưởng

Phan Hải Sâm

Tổng Giám đốc



Vũ Trung Thành

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CÔNG THƯƠNG

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3974 6900

Fax: (84.4) 3974 7572

CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 49 Tôn Thất Đạm, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3820 9987

Fax: (84.8) 3820 0921

VietinBankSc 